



I. Kế toán nguyên vật liệu

1. Khai niệm và nhiệm vụ

- ✓ **Khai niệm**
Nguyên vật liệu là những tài sản thuộc nhóm hàng tồn kho của doanh nghiệp, là thành phần cơ bản cấu thành nên sản phẩm
- ✓ **Nhiệm vụ nguyên vật liệu**
Tham gia vào một chu kỳ sản xuất, thay đổi hình dạng ban đầu sau quá trình sử dụng

2. Phương pháp hạch toán nguyên vật liệu (1)

- ✓ **Phương pháp kê khai thông xuyên**
 - Mọi nghiệp vụ nhập, xuất vật liệu đều được kế toán theo dõi, tính toán và ghi chép một cách thông xuyên.
 - Trò giá trị NVL tồn kho cuối kỳ =
 - Trò giá trị NVL tồn kho đầu kỳ + Trò giá trị NVL nhập trong kỳ - Trò giá trị NVL xuất trong kỳ

2. Phương pháp hạch toán nguyên vật liệu (2)

- ✓ **Phương pháp kiểm kê định kỳ**
Trong kỳ kế toán chỉ theo dõi, tính toán và ghi chép các nghiệp vụ nhập và xuất vật liệu, còn trò giá trị vật liệu xuất chỉ được xác định một lần vào cuối kỳ khi có kết quả kiểm kê vật liệu
- Trò giá trị NVL xuất trong kỳ =
Trò giá trị NVL tồn kho đầu kỳ + Trò giá trị NVL nhập kho trong kỳ - Trò giá trị NVL tồn kho cuối kỳ

3. Tính giá trị nguyên vật liệu (1)

A/ Nguyên vật liệu được tính giá theo nguyên tắc giá gốc

- ✓ **Tính giá nguyên vật liệu nhập**
 - § **Nguyên vật liệu mua ngoài**
Giá nhập kho NVL = Chi phí mua NVL
 - § **Nguyên vật liệu tự sản xuất**
Giá nhập kho =
= Giá thành thực tế sản xuất NVL
= Chi phí mua nguyên vật liệu + Chi phí chế biến + Chi phí khác

3. Tính giá trị nguyên vật liệu (2)

- § **Nguyên vật liệu thuê ngoài chế biến**
Giá nhập kho = Giá xuất NVL đem chế biến + Tiền thuê chế biến + Chi phí vận chuyển, bốc dỡ vật liệu đi và về
- § **Nguyên vật liệu được cấp**
Giá nhập kho = Giá do nông hộ cấp thông báo + Chi phí vận chuyển, bốc dỡ
- § **Nguyên vật liệu nhận vốn góp**
Giá nhập kho là giá trị hợp lý do hội đồng định giá xác định.
- § **Nguyên vật liệu được biếu tặng**
Giá nhập kho là giá trị hợp lý do hội đồng xác định theo thời giá trên thị trường.

3. Tính giá nguyên vật liệu (3)

- Tính giá nguyên vật liệu xuất
 - Áp dụng theo một trong các phương pháp sau:
 - Phương pháp tính theo giá nhập danh
 - Phương pháp bình quân giá quyền
 - Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)
 - Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)

a. Phương pháp tính theo giá nhập danh

- Theo phương pháp này trị giá vật liệu xuất sẽ được xác định trên cơ sở giá nhập bất kỳ của hàng hiện có của DN.

b. Phương pháp bình quân giá quyền:

- + Bình quân giá quyền liên hoàn:
 - Trị giá vật liệu xuất kho được xác định bằng các lấy nền giá trung bình của vật liệu hiện tồn kho x số lượng xuất và nền giá này sẽ được xác định lại mỗi khi DN có nhập kho hàng mới
 - + Bình quân giá quyền cố định:
 - Trị giá vật liệu xuất được xác định vào cuối tháng trên cơ sở lấy nền giá trung bình của toàn bộ vật liệu nhập trong tháng với số lượng xuất.

- c. Phương pháp nhập trước xuất trước:
 - Theo phương pháp này số hàng nhập trước sẽ được xuất trước
- d. Phương pháp nhập sau xuất trước:
 - Theo phương pháp này số hàng nhập sau sẽ được xuất trước

3. Tính giá nguyên vật liệu (4)

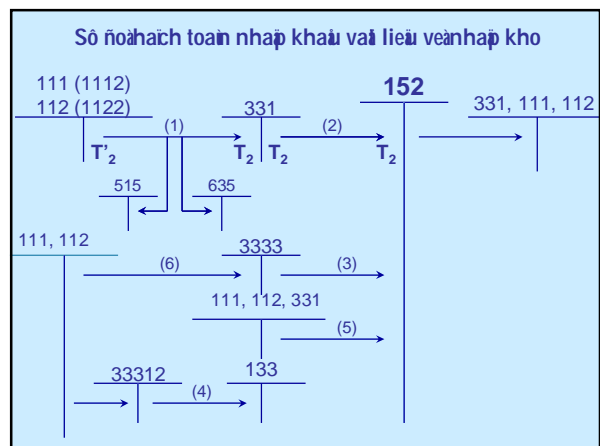
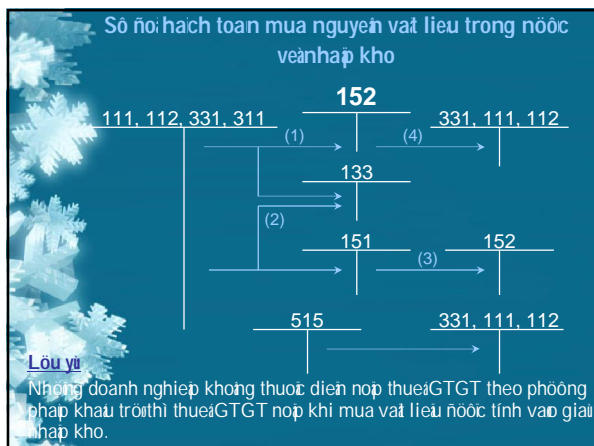
B/ Hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kế khai thông xuyên Tại kho sử dụng

- _ TK 151 " Hàng mua hàng nà nông "
- _ TK 152 " Nguyên liệu, vật liệu "

Phương pháp hạch toán NVL theo phương pháp kế khai thông xuyên.

Hạch toán nhập kho nguyên vật liệu

- _ Mua NVL trong nước về nhập kho
- _ Nhập khẩu vật liệu về nhập kho

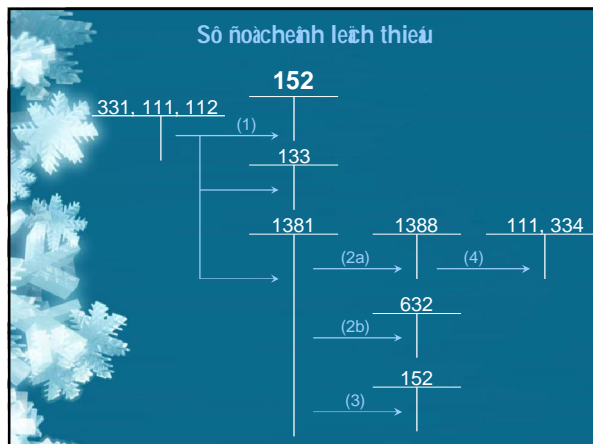


3. Tính giá nguyên vật liệu (5)

✓ Nhập kho nguyên vật liệu, phải hiện chếch lệch

§ Chếch lệch thiếu

- Nếu thiếu do hao hụt trong nình mỗi kế toán cần có số liệu trên hoá đơn ghi số
- Nếu nguyên vật liệu thiếu không nằm trong nình mỗi cho phép va chĩa xac nình nóc nguyên nhai

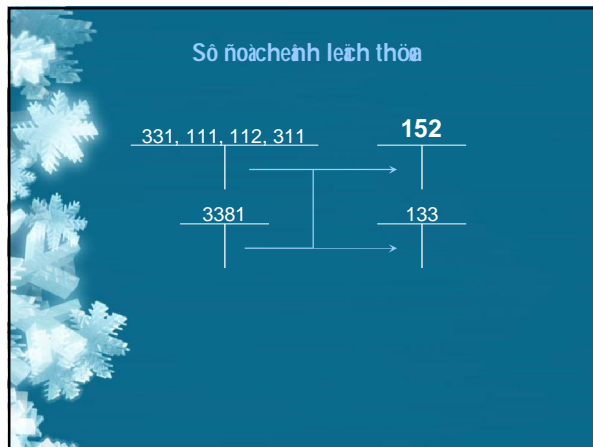


3. Tính giá nguyên vật liệu (6)

✓ Nhập kho NVL, phải hiện chếch lệch

§ Chếch lệch thừa

- Nếu nguyên vật liệu thừa xac nóc nguyên nhai, do bên bán xuất nhaim, doanh nghiệp giới hoic cho bên bán, kế toán ghi ñon bên Nội TK 002 giá trị VL thừa. Khi bên bán nhận lại ghi ñon bên Nội TK 002.
- Nếu nguyên vật liệu thừa chĩa xac nình nóc nguyên nhai va nóc doanh nghiệp nhập kho

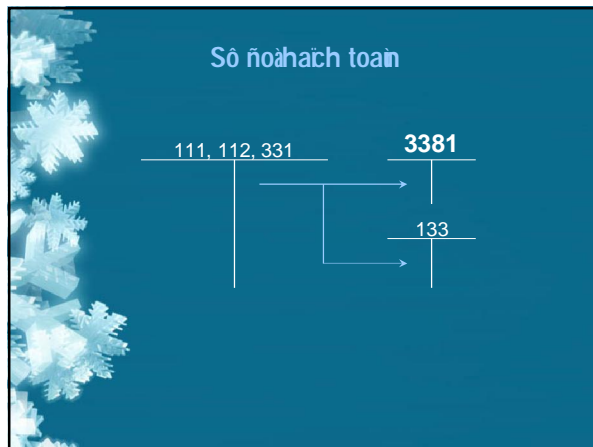


3. Tính giá nguyên vật liệu (7)

Chếch lệch thừa

Ø Trường hợp xac nình nóc nguyên nhai do người bán xuất nhaim Doanh nghiệp xuất traisoi hàng trên
 Nội TK 3381
 Nội TK 152

Ø Trường hợp xac nình nóc nguyên nhai do người bán xuất nhaim va ñong yibai luôn cho doanh nghiệp



3. Tính giá nguyên vật liệu (8)

✓ Khi nhập nguyên vật liệu từ các nguồn khác:

a. Do tái sản xuất ra các công việc giải thành thời tiết của vật liệu nước sản xuất nông nghiệp

Nội TK 152
 Tài TK 154 "Chi phí SXKD dở dang" (DN hạch toán theo Kế hoạch thông xuyên)
 Hoặc Tài 632 (DN hạch toán theo Kế hoạch kinh lý)

3. Tính giá nguyên vật liệu (9)

b. Nhập vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến hoàn thành

3. Tính giá nguyên vật liệu (10)

c. Nhận góp vốn liên doanh bằng nguyên vật liệu

Nội TK 152
 Tài TK 411 "Nguồn vốn kinh doanh"

3. Tính giá nguyên vật liệu (11)

Hạch toán xuất kho nguyên vật liệu

3. Tính giá nguyên vật liệu (12)

Hạch toán kiểm kê nguyên vật liệu

✓ Khi kiểm kê phát hiện công nguyên vật liệu thiếu

3. Tính giá nguyên vật liệu (13)

Hạch toán kiểm kê nguyên vật liệu

✓ Khi kiểm kê phát hiện công nguyên vật liệu thừa

3. Tính giá nguyên vật liệu (14)

Hạch toán thành giá lại vật liệu

(1) Khi nhận giá lại làm tăng giá trị cuối nguyên vật liệu:
 Nội TK 152 - Phản chênh lệch tăng
 Có TK 412

(2) Khi nhận giá lại làm giảm giá trị cuối nguyên vật liệu:
 Nội TK 412 - Phản chênh lệch giảm
 Có TK 152

3. Tính giá nguyên vật liệu (15)

Hạch toán đối phong giảm giá hàng tồn kho

Mức đối phong giảm giá vật tổ cho năm kế hoạch = $L\text{ông vật tổ tồn kho giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm } x$ (Giá hạch toán trên sổ kế toán - Giá thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm)

3. Tính giá nguyên vật liệu (16)

Hạch toán đối phong giảm giá hàng tồn kho

Tài khoản sử dụng:
 TK 159 "Đối phong giảm giá hàng tồn kho"

a. Cuối niên độ khi tiến hành lập đối phong giảm giá hàng tồn kho:
 Mức đối phong giảm giá vật tổ cho năm kế hoạch
 Nội TK 632
 Có TK 159

3. Tính giá nguyên vật liệu (17)

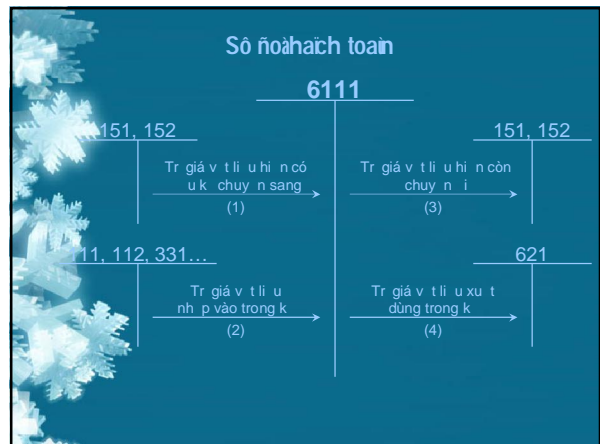
b. Cuối niên độ sau:

- Trởng hợp khoản đối phong giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản đối phong giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước số chênh lệch lớn hơn nữa lập thêm, ghi:
Số lập thêm: Nội TK 632
 Có TK 159
- Ngược lại, thì số chênh lệch nhỏ hơn nữa lập giảm bớt, ghi:
Số giảm bớt: Nội TK 159
 Có TK 632

3. Tính giá nguyên vật liệu (18)

C/ **Hạch toán NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

- Ø Phương pháp hạch toán
- Ø TK sử dụng TK 611 (6111)



II. Kế toán công cụ dụng cụ (1)

1. Khai niệm

Công cụ, dụng cụ là các loại đồ vật lao động nhỏ sử dụng cho các hoạt động SXKD khác nhau không phải tiêu chuẩn trở thành TSCN.

Việc tính giá nhập, xuất công cụ, dụng cụ cũng được thực hiện tổng tài nhỏ nội bộ vật liệu.

II. Kế toán công cụ dụng cụ (2)

2. Tài khoản sử dụng

TK 153 "Công cụ, dụng cụ", TK 153 có 3 tài khoản cấp 2:

- 1531 "Công cụ, dụng cụ"
- 1532 "Bảo hiểm chuyên"
- 1533 "Nội dung cho thuê"

Các trường hợp nhập công cụ dụng cụ giống như nhập vật liệu không sử dụng TK

II. Kế toán công cụ dụng cụ (3)

3. Phương pháp hạch toán

Khi xuất công cụ, dụng cụ sẽ sử dụng kế toán phản ánh như sau

```
153
├──
│
│
└── 621, 623, 627, 641, 642
    ───────────────────────────→
├──
│
│
└── 142, 242
    ───────────────────────────←
```

II. Kế toán công cụ dụng cụ (4)

Mức phân bổ tổng $ky = (\text{Giá trị của công cụ, dụng cụ xuất dụng} + \text{Trò giá phế liệu ôc thu}) / \text{Số kỳ đời kiến phân bổ}$

Nếu doanh nghiệp sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán công cụ, dụng cụ thì kế toán cũng sử dụng TK 611 và phản ánh tổng tài nhỏ vật liệu